

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ 損益表
QUÝ 1 / 2016

Đơn vị tính: VND 單位: 越南盾

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1	
			Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 銷貨、提供服務之收入	1	VII.1	39,682,223,329	63,487,151,487	39,682,223,329	63,487,151,487
2. Các khoản giảm trừ doanh thu 減項	2	VII.2	327,561,712	365,176,756	327,561,712	365,176,756
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02) 營業收入淨額	10		39,354,661,617	63,121,974,731	39,354,661,617	63,121,974,731
4. Giá vốn hàng bán 銷貨成本	11	VII.3	32,576,097,295	59,822,210,479	32,576,097,295	59,822,210,479
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11) 營業毛利	20		6,778,564,322	3,299,764,252	6,778,564,322	3,299,764,252
6. Doanh thu hoạt động tài chính 理財活動收入	21	VII.4	3,244,765	52,177,352	3,244,765	52,177,352
7. Chi phí tài chính 理財活動費用	22	VII.5	1,210,402,290	3,840,730,551	1,210,402,290	3,840,730,551
- Trong đó: Chi phí lãi vay 其中: 貸款利息	23		1,175,099,800	2,933,236,002	1,175,099,800	2,933,236,002
8. Chi phí bán hàng 銷貨費用	25	VII.8	1,651,103,308	2,381,473,050	1,651,103,308	2,381,473,050
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp 管理費用	26	VII.8	3,030,405,311	2,596,134,235	3,030,405,311	2,596,134,235
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 營業利益 {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		889,898,178	(5,466,396,232)	889,898,178	(5,466,396,232)
11. Thu nhập khác 營業外收入	31	VII.6	8,889,131	307,068,274	8,889,131	307,068,274
12. Chi phí khác 營業外費用	32	VII.7	165,500,060	164,351,866	165,500,060	164,351,866
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) 營業外利潤	40		(156,610,929)	142,716,408	(156,610,929)	142,716,408
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) 稅前利益	50		733,287,249	(5,323,679,824)	733,287,249	(5,323,679,824)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành 現行所得稅費用	51					
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại 遞延所得稅費用	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52) 稅後純利	60		733,287,249	(5,323,679,824)	733,287,249	(5,323,679,824)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) 股息	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		81.05	(588.39)	81.05	(588.39)

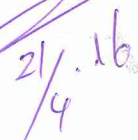
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC

Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2016

Tổng Giám Đốc

Trần Văn Sinh